

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi trong lĩnh vực Công Thương áp dụng chung tại Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 201/QĐ-BCT ngày 17/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ hoặc sửa đổi thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 22/TTr-SCT ngày 21/3/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 03 thủ tục hành chính được sửa đổi đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 16/01/2018, trong lĩnh vực Công Thương (Thuốc lá) áp dụng chung tại Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau (có danh mục kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Giám đốc Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế 03 thủ tục hành chính (nội dung có số thứ tự: 10, 11, 12) đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 16/01/2018./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục KSTTHC, VPCP (CSDLQGTTTHC);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh (VIC);
- Phòng CCHC (Đ43) (VIC);
- Lưu: VT. Tr 51/3.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hồng Quân

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ THAY THẾ TRONG
LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG (THUỐC LÁ) ÁP DỤNG CHUNG TẠI
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 490 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)



Số TT	Số hồ sơ TTHC bị thay thế	Tên thủ tục hành chính bị thay thế
I.	Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 16/01/2018	
1.	CMU-290677	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
2.	CMU-290678	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
3.	CMU-290679	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG (THUỐC LÁ)
ÁP DỤNG CHUNG TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 490 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau)



Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	Thương nhân nộp hồ sơ, thủ tục hành chính trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện, sau đây viết tắt là “Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện”. Thời gian nộp vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau: - Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút. - Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.					
1	Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Công Thương xem xét và cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Phòng Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do;	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	- <i>Tại khu vực thành phố Cà Mau:</i> + Đối với tổ chức, doanh nghiệp là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá số 09/2012/QH13 ngày 18/6/2012 của Quốc Hội (Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012); - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá (Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ);	Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được kết nối, tích hợp theo số hồ sơ “B-BCT-262046-TT” của Bộ Công Thương công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC

		- Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Phòng Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.		- <i>Tại khu vực khác:</i> + Đối với tổ chức, doanh nghiệp là 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Đối với hộ kinh doanh, cá nhân là 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	- <i>Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương (Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ);</i> - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ (Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương); - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa (Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	
--	--	---	--	--	--	--



2	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Công Thương xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định Phòng Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được kết nối, tích hợp theo số hồ sơ "B-BCT-262047-TT" của Bộ Công Thương công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC
3	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Công Thương xem xét và cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định Phòng Công Thương sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được kết nối, tích hợp theo số hồ sơ "B-BCT-262048-TT" của Bộ Công Thương công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC